

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **167 /2017/HSST**

Ngày: 07/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cương

Bà Phạm Thị Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Thạch Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2017/HSST ngày 19/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC H - sinh năm: 1987; HKTT: Số 22/188 phố N, phường L, quận L, TP Hà Nội; Chỗ ở: 73B, đường L, tổ 27, phường L, quận L, TP Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; con ông: Nguyễn Đức H và bà: Nguyễn Thị D; TATS: Theo danh chỉ bản số 301 ngày 10/5/2017 của Công an quận L lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo có 01 tiền án:

- Bản án số 88/HSST ngày 26/4/2017 Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2016.

(Có mặt)

Về bị hại: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1990

Trú tại: Số 8, Tổ 2, TC, phường L, quận L, TP Hà Nội.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956

Trú tại: Số 50, phố P, phường B, quận L, TP Hà Nội.

(Vắng mặt)

2. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1958

Trú tại: Số 8, Tổ 2, TC, phường L, quận L, TP Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2016 Công an phường L, L, Hà Nội nhận được đơn trình báo của anh Ngô Văn H, sinh 1990, trú tại: Tổ 2, TC, L, TP Hà Nội về việc: Khoảng 18h ngày 09/12/2016 anh H2 đi xe máy Honda Wave – BKS 29K1 – 553.22 đến nhà Nguyễn Đức H ở tổ 27, phường L, L chơi. Ngồi nói chuyện một lúc thì H mượn xe máy của anh nói đi có việc một lát rồi về, nhưng sau đó H mang xe đi luôn, anh nhiều lần liên lạc với H nhưng không được nên đã làm đơn trình báo cơ quan công an.

Sau khi nhận được đơn của anh Ngô Văn H, công an quận L đã tiến hành điều tra và xác định được: H và H2 là bạn bè quen biết nhau. Khoảng 18h ngày 09/12/2016 H2 đến nhà H chơi, sau đó H mượn xe máy của H2 nói đi có việc một lát rồi về trả, anh H2 đồng ý giao xe cho H. Sau khi nhận xe, H chở Đoàn Hải H3 là bạn H cũng có mặt ở đó đến quán Internet trên đường Ngọc Lâm, L chơi. Sau khoảng 30 phút, do hết tiền nạp thẻ nên H đã nảy sinh ý định cầm cố xe máy của anh H2 lấy tiền chơi tiếp. H chở H3 đi đến cửa hàng cầm đồ của ông Nguyễn Văn T. Trên đường đi, H3 vào một quán nước ngồi uống nước còn H một mình đi xe vào gặp ông T. Tại đây, H đã đặt xe máy và vay ông T số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Sau đó, H đi taxi quay lại đón H3 rồi đi chơi điện tử tiếp. H khai việc H đi đặt xe có nói với H3 và H3 cũng đồng ý. Do vậy sau khi đặt xe, H có cho H3 khoảng hơn 1.000.000 đồng. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra, Đoàn Hải H3 khai: việc H đi đặt xe H3 không biết và H3 cũng không được H cho tiền.

Tại kết luận định giá tài sản số 51 ngày 05/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ đen BKS: 29 K1– 553.22 trị giá 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ đen BKS: 29 K1– 553.22 đăng ký chính chủ mang tên ông Ngô Văn C, trú tại Tổ 2, phường L, quận L, TP Hà Nội. Ông C khai đã mua xe và cho con trai là Ngô Văn H từ tháng 12 năm 2015 đến nay. Cơ quan CSĐT – Công an quận L đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy trên cho anh Ngô Văn H, anh H2 đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

Đối với hành vi nhận cầm xe, ông Nguyễn Văn T khai khi đặt xe H nói xe của gia đình, H có photo chứng minh thư nên ông tin tưởng và cho H vay số tiền 5.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu H hoàn trả số tiền trên. Công an quận L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T do đã phạm vào điều 11 khoản 2 điểm d Nghị định 167/2013/NĐ- CP về việc cầm cố xe máy không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xe.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Bản cáo trạng số: 179/CT- VKS ngày 19/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Đức H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 điều 140; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 42, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo H mức án từ 10 đến 12 tháng tù. Tổng hợp với bản án số 88/HSST ngày 26/4/2017 Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt 24 (Hai tư) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 34 tháng đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tang vật: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ đen BKS: 29 K1– 553.22 đăng ký xe mang tên ông Ngô Văn C do anh Ngô Văn H sử dụng đã trả cho người bị hại nên không giải quyết.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Văn T: 5.000.000 đồng.

Đối với hành vi anh Đoàn Hải H3 do không đủ cơ sở kết luận có dấu hiệu tội phạm nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Nói lời sau cùng, bị cáo biết là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18h ngày 09/12/2017 tại Tổ 27, phường L, quận L, TP Hà Nội, Nguyễn Đức H đã có hành vi mượn anh Ngô Văn H chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29K1-553.22 để đi có việc, sau đó H đã không trả lại mà mang xe máy trên đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Trị giá tài sản bị xâm hại là 11.000.000 đồng .

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận L đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 điều 140 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở H2 tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án. Ngày 26/4/2017, TAND quận Long Biên xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hạn tù tính từ ngày 25/12/2016. (Án số 88 ngày 26/4/2017). Mặc dù bị cáo phạm tội lần này không bị coi là tái phạm do thời điểm phạm tội Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản xảy ra trước khi có bản án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tù giam trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo: tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại người bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 – BLHS.

Đại diện VKS đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: xét thấy bị cáo nghiện chất ma túy, không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng.

Đại diện VKS đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

Về dân sự: Bị hại là anh Ngô Văn H đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ BKS: 29 K1– 553.22 và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức H phải hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng cho ông Ngô Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về dân sự phù hợp với nhận định của HĐXX.

Đối với ông Nguyễn Văn T là chủ cửa hàng cầm đồ, khi nhận cầm cố xe máy của H không biết là xe máy do phạm tội mà có. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên việc cầm cố xe máy không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xe của ông T đã phạm vào điều 11 khoản 2 điểm d Nghị định 167/2013/NĐ- CP nên công an quận L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Đoàn Hải H3: H khai việc đi đặt xe H có nói với H3 và H3 cũng đồng ý, do vậy sau khi đặt xe H có cho H3 khoảng hơn 1.000.000 đồng. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra, H3 không thừa nhận việc này. Ngoài lời khai của H không còn có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc H3 tham gia cùng với H nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 42, Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 10 (Mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù của Bản án số 88/2017/HSST ngày 26/4/2017 của TAND quận Long Biên, buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 34 (ba mươi tư) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 25/12/2016.

2. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- Công an Q.Long Biên;
- Viện kiểm sát ND Q.Long Biên;
- Thi hành án dân sự Q.Long Biên;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Hoa